

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21-9-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Nhân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Văn Chính

Ông Nguyễn Văn Dạng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2021/TLST-HNGĐ ngày 14-5-2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn P; địa chỉ nơi cư trú: Ấp L, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Huỳnh G; địa chỉ nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-5-2021, đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 14-7-2021, nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày anh và chị Phạm Thị Huỳnh G tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng ngày 22-8-2017. Nhưng cuộc sống chung giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa và đã sống ly thân từ tháng 5/2018; nay anh xin ly hôn với chị G. Quá trình chung sống anh chị có một con chung tên là Nguyễn Thị Quỳnh N (sinh ngày 02-12-2015) hiện sống cùng anh ở Ấp L, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị G cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, nợ chung giữa anh và chị G không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do tình

hình dịch bệnh Covid-19 anh không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt (không đề ngày tháng năm) được gửi qua dịch vụ bưu chính đến Tòa án ngày 10-7-2021, bị đơn chị Phạm Thị Huỳnh G trình bày chị có nhận được giấy triệu tập của Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn P. Do tình hình dịch bệnh Covid-19 chị không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vì vậy chị đồng ý ly hôn vắng mặt. Chị và anh P có một con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, chị đồng ý giao cháu cho anh P nuôi dưỡng. Tài sản chung anh chị không có.

Tại phiên tòa, anh P vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Yêu cầu khởi kiện của anh P là vụ án hôn nhân và gia đình về “*ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 14 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và anh P có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; chị G thường trú tại Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; tại phiên tòa, anh P và chị G vắng mặt có đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Anh P và chị G kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22-8-2017 là hôn nhân hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo anh P trình bày cuộc sống chung giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được và đã sống ly thân từ 05/2018 đến nay. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã N cung cấp thông tin anh P và chị G cùng đi lao động ngoài tỉnh chỉ về địa phương những dịp gia đình có tiệc hoặc lễ, tết, chưa xác định được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn, nuôi con giữa anh chị (bút lục số 56). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để đương sự gặp gỡ hòa giải các mâu thuẫn và đoàn tụ nhưng anh P kiên quyết xin ly hôn và chị G đồng ý ly hôn. Điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể hàn gắn được nữa, hai bên đã sống ly thân và không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng làm

cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, anh P yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và cấp dưỡng cho con: Anh P và chị G thống nhất anh chị có một con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N (sinh ngày 02-12-2015) hiện sống cùng anh P và gia đình anh ở Ấp L, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Khi ly hôn anh P yêu cầu giao cháu cho anh tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị G cấp dưỡng cho con; chị G ý kiến đồng ý. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã N nơi cháu N đang sống ý kiến cho rằng cháu N đang sống cùng ông bà nội tại Ấp L, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (bút lục số 56). Xét thấy, hiện cháu N do anh P và gia đình anh trực tiếp chăm sóc và anh P có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu; chị G đồng ý. Vì vậy, giao cháu N cho anh P tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành là đảm bảo tốt nhất sự phát triển của cháu trong thời điểm hiện tại; ghi nhận sự tự nguyện của anh P không yêu cầu chị G cấp dưỡng cho con; chị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh P phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn P với chị Phạm Thị Huỳnh G về ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn P được ly hôn với chị Phạm Thị Huỳnh G.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh N (sinh ngày 02-12-2015) cho anh Nguyễn Văn P tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành; ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn P về việc không yêu cầu chị Phạm Thị Huỳnh G cấp dưỡng cho con; chị Phạm Thị Huỳnh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn P phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008387 ngày 12-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T (H.TT);
- UBND xã L (TX.NN);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kim Nhân**